

UNIT 9:

FESTIVALS AROUND THE WORLDS

SKILLS 1

- ham	(n) : giăm bông
- fight	(n) : cuộc chiến
- greasy	(adj) : trơn , nhờn, béo
- pole	(n) : cây, cột, cọc
- a jet of water	(n) : vòi nước
- water cannon	(n) : vòi phun nước đại bác
- chaos	(n) : cuộc hỗn chiến
- protect	(v) : bảo vệ
- buffet	(n) : tiệc đứng